

VỀ SỰ LỰA CHỌN CHIẾN LƯỢC CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

NGUYỄN VĂN CHUNG^(*)

Cách mạng Tháng Tám thành công đã khẳng định sự đúng đắn, sáng tạo của chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, để đi tới khẳng định chiến lược đó là đúng đắn, Đảng ta đã trải qua một quá trình nhận thức và thử thách vô cùng quyết liệt. Đó là quá trình đấu tranh xung quanh hai quan điểm đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp. Nếu như tại Hội nghị thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu thì từ Hội nghị Trung ương tháng 10/1930 đến nhiều chỉ thị, nghị quyết sau đó, Đảng Cộng sản Đông Dương lại chủ trương giải quyết đồng thời hai vấn đề dân tộc và giai cấp, coi hai vấn đề này có vị trí, vai trò quan trọng như nhau và có ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Đến Hội nghị Trung ương 8 (5/1941), dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Đảng ta đã trở lại với tư tưởng độc lập tự do, xác định một cách dứt khoát vị trí, vai trò của vấn đề dân tộc và giai cấp; đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu như tại Hội nghị thành lập Đảng. Bài viết này góp phần làm rõ quá trình hình thành, sự

thử thách quyết liệt để rồi đi tới khẳng định dứt khoát chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh - nhân tố quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

1. Quá trình hình thành chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh

Ra đi tìm đường cứu nước, người thanh niên trẻ tuổi Nguyễn Tất Thành đã sống, lao động và học tập ở nhiều vùng đất khác nhau. Sự trải nghiệm đó đã giúp Người nhận ra rằng ở đâu cũng có nghèo đói, áp bức, bất công và cho rằng, sự áp bức, bất công trong xã hội phương Tây khác với xã hội phương Đông. Nếu như mâu thuẫn chủ yếu ở các nước xã hội tư bản chủ nghĩa phương Tây là mâu thuẫn giai cấp (tư sản với vô sản) thì mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội thuộc địa phương Đông là mâu thuẫn dân tộc. Do vậy, đối tượng của cách mạng chính quốc và cách mạng thuộc địa cũng khác nhau. Ở các nước tư bản, đó là cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản nhằm đòi lại quyền tự do và bình đẳng.

^(*) Ban sách về Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật.

Trong khi đó, ở các nước phương Đông, mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu là mâu thuẫn dân tộc. Đó là sự xâm lược, áp bức, bóc lột của các nước phương Tây đối với các dân tộc phương Đông.

Như vậy, mâu thuẫn giai cấp ở các nước phương Đông không gay gắt như ở các nước phương Tây. Về vấn đề này, ngay từ năm 1924 Nguyễn Ái Quốc đã nhận định trong Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ: Ruộng đất ở đây không tập trung quá nhiều vào tay địa chủ, mà “chủ yếu thuộc sở hữu của những địa chủ hạng trung và hạng nhỏ và những kẻ mà ở đó được coi là đại địa chủ thì chỉ là những tên lùn tịt bên cạnh những người trùng tên với họ ở châu Âu và châu Mỹ” (1, tr.464). Như vậy, sự cách biệt về tài sản và mức sống của nông dân và địa chủ là không lớn: “Nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn; nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng không có gì là xa hoa” (1, tr.464), do vậy, “sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu” (1, tr.464).

Ở Việt Nam, dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp, nước Việt Nam có nhiều chuyển biến sâu sắc trên phương diện kinh tế, văn hóa, xã hội. Từ một xã hội phong kiến, Việt Nam đã biến thành một nước thuộc địa. Trong xã hội Việt Nam tồn tại nhiều mâu thuẫn, song mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai phản động.

Từ việc xác định mâu thuẫn của xã hội Việt Nam và bắt nguồn từ truyền thống đoàn kết trong lịch sử dân tộc mà ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc, trong đó công nông là gốc

của cách mạng, còn học trò, nhà buôn, điền chủ nhỏ là bầu bạn của công nông. Cách mạng muốn thành công cần phải đoàn kết tất cả các tầng lớp, lực lượng trong mặt trận dân tộc thống nhất.

Từ thực tiễn xã hội Việt Nam và phương Đông, với tầm nhìn chiến lược, Người cho rằng, cần phải bổ sung cơ sở lý luận của chủ nghĩa Marx. Chủ nghĩa Marx ra đời ở phương Tây, nó đề cập đến những nguyên lý chung nhất cho cách mạng vô sản thế giới trên cơ sở hiện thực xã hội châu Âu. “Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại...” (1, tr.465). Vì thế cần “Xem xét lại chủ nghĩa Marx về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông...” (1, tr.465).

Khi nói đến cơ sở hình thành chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh, không thể không nhắc đến tư tưởng độc lập, tự do. Độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc bị áp bức, xâm lược, trong đó có dân tộc Việt Nam.

Giương cao ngọn cờ độc lập tự do, Hồ Chí Minh đã cho rằng “Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước” và chỉ ra phương hướng chung là “phát động chủ nghĩa dân tộc nhân danh Quốc tế Cộng sản”, đồng thời đánh giá đó là “một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi... nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế” (1, tr.467).

Từ sự nhận thức và thực tiễn phong trào cách mạng Việt Nam mà Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930 đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Lời kêu gọi nhân ngày thành lập

Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Những văn kiện này hợp thành Cương lĩnh đầu tiên của Đảng.

Cương lĩnh xác định chiến lược của cách mạng Việt Nam là tiến hành “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đó là một quá trình nối tiếp nhau của hai chiến lược cách mạng, có mối quan hệ mật thiết, ảnh hưởng lẫn nhau.

Chính cương vắn tắt còn xác định các nhiệm vụ chính của cách mạng Việt Nam là đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, bọn phong kiến và giai cấp tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng ra Chính phủ công nông binh và tổ chức ra quân đội công nông.

Hội nghị chủ trương tập hợp, đoàn kết tất cả các lực lượng, giai cấp, cá nhân yêu nước trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, trên cơ sở “công nông làm gốc của cách mạng”. Cương lĩnh chỉ rõ, cách mạng muốn thành công còn phải hết sức liên lạc với các giai cấp tiểu tư sản, trí thức, trung nông, tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản, tiểu và trung địa chủ, còn bộ phận nào phản cách mạng như Đảng Lập Hiến thì phải đánh đổ.

Có thể nói, Cương lĩnh đầu tiên được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã xác định những vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Đó là cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo theo con đường cách mạng Hồ Chí Minh. Các nhiệm vụ được đề ra bao gồm cả nội dung dân tộc và dân chủ, dân tộc và giai cấp, chống đế quốc và chống phong kiến phản động. Song, nổi bật lên hàng đầu và cấp bách nhất là nhiệm vụ chống đế

quốc, giải phóng dân tộc.

2. Chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh và sự thử thách quyết liệt

Sau Hội nghị hợp nhất, tháng 10/1930, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc). Hội nghị đã cho rằng Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt đã phạm sai lầm chính trị rất “nguy hiểm” vì “chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu”; đặt tên Đảng sai; phê phán thái độ và chủ trương của Hội nghị hợp nhất về việc tập hợp lực lượng tư sản, trung, tiểu địa chủ trong cách mạng tư sản dân quyền.

Xuất phát từ nhận định đó mà Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định “thủ tiêu chánh cương, sách lược và Điều lệ cũ của Đảng” và chỉ rõ: phải dựa vào nghị quyết của Quốc tế Cộng sản để hoạch định cương lĩnh, chính sách, kế hoạch của Đảng và chỉnh đốn nội bộ, làm cho Đảng Bôn sẽ xích hoá. Từ sự phân tích đó, Đảng đã đề ra chiến lược và sách lược mới cho cuộc cách mạng ở Đông Dương (Dự án để thảo luận trong Đảng, 2, T.2, tr.112-113).

Về phương hướng chiến lược của cách mạng, Luận cương nêu rõ, tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu “chỉ có tính chất thổ địa và phản đế”. Tư sản dân quyền là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng. Sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục “phát triển bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”.

Nhiệm vụ cốt yếu của cuộc cách mạng tư sản dân quyền là phải “tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bản và để thực hành thổ địa cho triệt để” và “đánh đổ đế quốc chủ nghĩa

Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập”.

Về lực lượng cách mạng, Luận cương chỉ coi công nông là lực lượng của cách mạng, còn các giai cấp, đảng phái khác là có xu hướng cải lương, do dự và sẽ đi theo chủ nghĩa đế quốc phản bội lại lợi ích dân tộc.

Có thể nói, Luận cương chính trị tháng 10/1930 đã vạch ra được nhiều vấn đề thuộc về phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam và Đông Dương, chỉ ra tương lai của cách mạng là chủ nghĩa xã hội. Nhưng so với Cương lĩnh chính trị ở Hội nghị thành lập Đảng thì có một số điểm khác biệt. Ở đây, chỉ xin đề cập đến hai điểm khác biệt lớn, đó là: 1. Việc xác định nhiệm vụ chiến lược; 2. Chủ trương tập hợp lực lượng trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền.

Về việc xác định nhiệm vụ chiến lược: Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Luận cương chính trị năm 1930 đều xác định nhiệm vụ của cuộc cách mạng tư sản dân quyền là chống đế quốc và phong kiến. Chính cương vắn tắt khẳng định: “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến”. Thắng lợi của cuộc cách mạng đó sẽ “làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập. Dựng ra Chính phủ công nông binh. Tổ chức ra quân đội công nông”. Luận cương cũng xác định nhiệm vụ cụ thể là “thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để, một mặt nữa là tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập”.

Như vậy, cả Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Luận cương chính trị đều xác định đối tượng của cách mạng là đế quốc và phong kiến. Nhưng qua việc xác định đối tượng của cuộc cách mạng tư sản dân quyền, ta thấy đã bắt đầu lộ rõ sự khác biệt về vị trí, vai

trò của hai nhiệm vụ trên. Nếu như Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng đặt nhiệm vụ đánh đổ đế quốc, giải phóng dân tộc lên hàng đầu thì Luận cương chính trị tháng 10/1930 đặt hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến ở tầm mức quan trọng ngang nhau và coi hai nhiệm vụ đó có quan hệ khăng khít với nhau vì: “...có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa”.

Về vấn đề tập hợp lực lượng trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền: Cả Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Luận cương chính trị tháng 10/1930 đều cho rằng, động lực của cách mạng là công nhân và nông dân. Tuy nhiên, trong chủ trương đoàn kết các tầng lớp khác ngoài công nông thì lại không đồng nhất với nhau, thậm chí là trái ngược nhau. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt một mặt xác định công nông là gốc của cách mạng, mặt khác còn chủ trương đoàn kết, lôi kéo các giai cấp, tầng lớp trên trong xã hội. Cương lĩnh nhấn mạnh: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp, còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”.

Trong khi đó, Luận cương chính trị chỉ coi công nông là lực lượng của cách mạng, còn các giai cấp và tầng lớp khác ngoài công nông như tư sản dân tộc, tiểu tư sản, địa chủ hạ tầng... là đứng về phía đế quốc, tư tưởng quốc gia cải lương, dân tộc hẹp hòi...

Như vậy, từ Hội nghị tháng 10/1930 trở đi, cách mạng Việt Nam đã chuyển

từ nhiệm vụ chiến lược đấu tranh dân tộc sang việc thực hiện song song hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến, coi hai nhiệm vụ đó có vai trò, vị trí như nhau và chúng có mối liên hệ tác động lẫn nhau. Thậm chí, Luận Cương chính trị còn nhấn mạnh vấn đề ruộng đất và coi đó là “cái cốt của cuộc cách mạng tư sản dân quyền”.

Vì cho rằng Cương lĩnh chính trị của Hội nghị hợp nhất đã phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng nên Nguyễn Ái Quốc - người triệu tập, chủ trì và trực tiếp thảo ra Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt bị Quốc tế Cộng sản phê phán gay gắt. Quốc tế Cộng sản cho rằng Nguyễn Ái Quốc là người hẹp hòi, theo chủ nghĩa dân tộc. Từ sự nhìn nhận đó mà trong một thời gian dài (1934 - 1938) Nguyễn Ái Quốc đã chịu sự đối xử lạnh nhạt của Quốc tế Cộng sản: không được phân công công tác, bị nghi ngờ về thái độ chính trị và giống “như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng” (1, T.3, tr.90).

Cũng trong giai đoạn được coi là thử thách nặng nề này, thì có hai bản chỉ thị của Trung ương Đảng mà nội dung tán thành, đồng nhất với những quan điểm, chủ trương của Nguyễn Ái Quốc. Đó là hai văn kiện *Chỉ thị của Trung ương Thường vụ về việc thành lập Hội “Phản đế đồng minh”* (ngày 18/11/1930) và *Chỉ thị của Trung ương gửi Xứ ủy Trung Kỳ về vấn đề thanh đảng Trung Kỳ* (ngày 20/5/1931).

Chỉ thị của Trung ương Thường vụ về việc thành lập Hội “Hội phản đế đồng minh” nêu rõ: “Giai cấp vô sản lãnh đạo cuộc cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương mà không tổ chức được toàn dân lại thành một lực lượng thật đông, thật kín thì cuộc cách mạng cũng khó thành công... tổ chức cách mạng vẫn đơn thuần công nông và là một màu

sắc nhất định - như: Công hội đỏ, Thanh niên đỏ, Sinh hội đỏ, và Cứu tế đỏ; do đó thiếu mặt tổ chức thật quảng đại quần chúng, hấp thụ các tầng lớp trí thức dân tộc, tư sản dân tộc, họ là tầng lớp trên hay ở vào lớp giữa cũng vậy, và cho tới cả những người địa chủ, có đầu óc oán ghét đế quốc Pháp mong muốn độc lập quốc gia, để đưa tất cả những tầng lớp và cá nhân đó vào hàng ngũ chống đế quốc Pháp, để cần kíp tổng động viên toàn dân nhất tề hành động mặt này hay mặt khác, mà chống khủng bố trắng và ủng hộ cách mạng công nông” (2, T.2, tr.227-228).

Chỉ thị của Trung ương gửi Xứ ủy Trung Kỳ về vấn đề thanh đảng Trung Kỳ viết: “Đảng Cộng sản Đông Dương xuất phát từ chỗ giác ngộ phản đế, ghét Pháp từ trước tới nay, nên trong hàng ngũ Đảng có những thù gia đệ tử, cựu nho, trung, tiểu địa chủ, phú nông, trung nông ở nông thôn và một số giáo viên, học sinh Pháp và một số tiểu thương, tiểu chủ hay con nhà tiểu thương, tiểu chủ ở thành thị cùng với một số thợ xí nghiệp, một số công chức, tổ chức hỗn hợp lại trong một phong trào” (2, T.3, tr.155-156).

Hai bản chỉ thị trên là sự trở lại tương đồng với tư tưởng đoàn kết toàn dân tộc đã được đề ra tại Hội nghị thành lập Đảng. Tư tưởng đó xuất phát từ thực tiễn nóng bỏng của cách mạng Đông Dương và sự điều chỉnh thái độ của Đảng đối với các tầng lớp trên trong xã hội. Tuy nhiên, đây chưa phải là sự chuyển hướng một cách căn bản, toàn diện trong nhận thức của Đảng. Bởi lẽ, sau hai bản chỉ thị này, Trung ương Đảng vẫn tiếp tục ra nhiều văn kiện khác phê phán nặng nề Nguyễn Ái Quốc và Hội nghị thành lập Đảng.

Có thể nói, trong khoảng thời gian từ tháng 10/1930 đến Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản (7/1935), trong nội bộ Đảng ta đã diễn ra quá trình nhận thức và đấu tranh giữa quan điểm cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và quan điểm của các đồng chí lãnh đạo Đảng chịu ảnh hưởng bởi sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản. Đây là một thực tế lịch sử.

3. Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) - Sự khẳng định chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và sự sống còn của các đảng cộng sản, Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản (7/1935) đã xác định mục tiêu chiến lược trước mắt của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế không phải là tiến hành cách mạng vô sản, lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, thiết lập nền chuyên chính vô sản và xây dựng xã hội cộng sản, mà là tập trung ngọn lửa đấu tranh vào bộ phận phản động nhất của giai cấp tư sản, tức là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ hoà bình, ngăn ngừa chiến tranh thế giới mới. Để thực hiện mục tiêu nói trên, Quốc tế Cộng sản chủ trương rằng phải thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình.

Đảng Cộng sản Đông Dương tiếp thu chủ trương mới của Đại hội VII Quốc tế Cộng sản và vận dụng vào thực tiễn cách mạng Đông Dương bằng một loạt những văn kiện, nghị quyết mới. Đây là sự trở lại với những luận điểm của Nguyễn Ái Quốc đã nêu trong Hội nghị thành lập Đảng. Trong văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới*, Trung ương Đảng đã đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ; phản đế và điền địa

trong cách mạng ở Đông Dương. Xuất phát từ yêu cầu bức thiết của cách mạng, Đảng không thể cùng một lúc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược giải phóng dân tộc và người cày có ruộng, mà phải tập trung vào một nhiệm vụ cần kíp nhất là giải phóng dân tộc. Từ sự nhận định đó, Đảng cho rằng: “cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết hợp chặt chẽ với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng” (2, T.6, tr.152).

Chủ trương mới của Đảng đã phản ánh đúng tình hình thực tế của cách mạng Việt Nam, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Vấn đề ruộng đất được tạm thời gác lại.

Đến Hội nghị Trung ương 6 (11/1939), vấn đề dân tộc được nhấn mạnh trở lại. Trung ương Đảng nhấn mạnh, nhiệm vụ quan trọng nhất của toàn Đảng lúc này là phải đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, với “tinh thần quyền lợi dân tộc cao hơn hết thảy”. “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập” (2, T.6, tr.536).

Về vấn đề tập hợp lực lượng trong Mặt trận dân tộc thống nhất, Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu “ruộng đất cho dân cày” và đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chống tô cao, lãi nặng. Chủ trương đó nhằm đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng dân tộc vào Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương. Hội nghị xác định: lực lượng của

Mặt trận là công nhân, nông dân đoàn kết với các tầng lớp tiểu tư sản thành thị và nông thôn; đồng minh chốc lát hoặc trung lập của giai cấp tư sản bản xứ, trung địa chủ do giai cấp công nhân lãnh đạo. Hội nghị nhấn mạnh: “công nông là hai cái lực lượng chính của cách mệnh, sự đồng minh chặt chẽ của công nông là vấn đề sống chết của cách mệnh, không có sự đồng minh ấy thì cách mệnh không thể thắng lợi được” (2, T.6, tr.540). Nhưng để cách mạng đi tới thắng lợi, thì giai cấp công nhân còn phải “đưa cao cây cờ dân tộc lên, vì quyền sinh tồn của dân tộc mà sẵn sàng bắt tay với tiểu tư sản và những tầng lớp tư sản bản xứ, trung tiểu chủ còn có cảm tức đế quốc” (2, T.6, tr.540).

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 (11/1939) đã vạch rõ được mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của dân tộc, do vậy đã xử lý đúng đắn mối quan hệ dân tộc - giai cấp trong quá trình xác định chiến lược, sách lược cách mạng. Những quyết định của Hội nghị Trung ương 6 đã đồng nhất với quan điểm của Nguyễn Ái Quốc. Điều này cũng khẳng định tính đúng đắn, sáng tạo của Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt. Có thể nói rằng, trong đường lối của Đảng khi đó đã có “dòng chảy” của tư tưởng Hồ Chí Minh, mặc dù chưa có sự hiện diện trực tiếp của Người.

Sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước để trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Tháng 5/1941, Người chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8. Đây là Hội nghị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tác động trực tiếp đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám. Hội nghị quyết định “thay đổi chiến lược”. “Sự thay đổi về kinh tế, chính trị Đông Dương, sự thay đổi thái

độ, lực lượng các giai cấp Đông Dương, buộc Đảng ta phải thay đổi chính sách cách mạng ở Đông Dương cho phù hợp với nguyện vọng chung của toàn thể nhân dân Đông Dương, cho hợp với tình hình thay đổi, Đảng ta phải có một chính sách cách mạng thích hợp với tình trạng ấy, mới chỉ dẫn cuộc cách mạng đến thắng lợi chắc chắn” (2, T.7, tr.118). Nghị quyết giải thích rõ về nội dung sự thay đổi đó: “Cuộc cách mạng ở Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng” (2, T.7, tr.119). Đây là một quyết định đúng đắn và kịp thời, khởi nguồn từ tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc Hồ Chí Minh, có tác động trực tiếp và toàn diện đến quá trình chuẩn bị cho công cuộc đấu tranh giành chính quyền.

Sự thay đổi chiến lược của Đảng tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8 đã tạo ra một xung lực vô cùng to lớn và mạnh mẽ, động viên sức mạnh, trí tuệ và tinh thần của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Cũng từ đây, Đảng ta đã trở lại với tư tưởng chiến lược và sách lược như tinh thần của Cương lĩnh đầu tiên, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Có thể nói, để đi tới khẳng định chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng đã trải qua một quá trình nhận thức và thử thách quyết liệt, đã vượt qua những rào cản “tả” khuynh, biệt phái. Cuộc đấu tranh về nhận thức này là sâu sắc. Đó là kết quả của cả một quá trình khảo nghiệm, tìm tòi, cân nhắc thận trọng, nghiên cứu kỹ lưỡng và cuối cùng đi tới khẳng định dứt khoát chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí

Minh. Điều đó đánh dấu sự trưởng thành về tư duy lý luận, bản lĩnh và kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng của Đảng. Chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc Hồ Chí Minh đã đoàn kết được đông đảo quần chúng tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất vì mục tiêu giải phóng dân tộc; phát huy lòng yêu nước và tinh thần dân tộc trong nhân dân để làm nên thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, giành

chính quyền về tay nhân dân, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh toàn tập. H.: Chính trị quốc gia, 2002.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đảng toàn tập. H.: Chính trị quốc gia, 1998.

(Tiếp theo trang 44)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lev N. Tolstoi. Chiến tranh và hòa bình (bản dịch gồm 4 tập của Cao xuân Hạo). H.: Văn học, 1976- 1977.
2. Lev N. Tolstoi. Đường sống - Văn thư, nghị luận chọn lọc. (Phạm Vĩnh Cư tuyển chọn, dịch giới thiệu và chú giải). H.: Tri thức, 2010.
3. Nguyễn Hải Hà. Thi pháp tiểu thuyết Tolstoi. H.: Giáo dục, 1992.
4. Phạm Vĩnh Cư. Hành trình tư tưởng của Tolstoi nhìn từ hôm nay - Lời giới thiệu cho cuốn Đường sống. H.: Tri thức, 2010, tr.Xi - Lxix.
5. V. I. Lenin. Tuyển tập các tác phẩm Lenin. M.: Văn kiện Chính trị, 1976.
6. Lịch sử Văn học Nga. H.: Giáo dục 1998.
7. Lev N. Tolstoi. http://vi.wikipedia.org/wiki/Lev_Nikolayevich_Tolstoy
8. Phạm Văn Tuấn. Leo Tolstoy (1828 - 1910) một trong những tiểu thuyết gia bậc nhất trong lịch sử văn chương của thế giới. <http://vietsciences.free.fr/biographie/artists/writers/tolstoy.htm>, ngày 15/08/ 2005.
9. Nguyễn Trường Lịch. L-N-Tôn-xTô. H.: Đại Học và Trung học chuyên nghiệp, 1986.
10. Phạm Nguyên Trường. Nước Nga hờ hững với Leo Tolstoi. *Nhìn ra thế giới*, ngày 2/11/ 2010.
11. Vũ Thế Khôi. Nhà giáo dục Leo Tolstoi với tôi. Tham luận Hội thảo “Lev Tolstoi - Nhà tư tưởng” tổ chức tại Đại học Hà Nội, ngày 8/12/2010.
12. Chu Hảo. Tolstoi bàn về khoa học. Tham luận Hội thảo “Lev Tolstoi - Nhà tư tưởng” tổ chức tại Đại học Hà Nội, ngày 8/12/2010.
13. Almanach - Những nền văn minh thế giới. H.: Văn hóa thông tin, 1997.
14. Lev Tolstoi Iasnaia Poliana, Cái chết là sự bắt đầu cuộc sống khác. Tham luận Hội thảo “Lev Tolstoi và sự tiếp nhận di sản của ông ở Việt Nam”, tổ chức tại Hà Nội, ngày 9/12/2010.